

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18/7/2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hàng A Vàng

2. Bà Hoàng Thị Kim Quy

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Văn Thắng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Tăng Bá Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 - Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 95/2025/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/6/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Quang Th - sinh năm 1963

Nơi ĐKKHKT: Tổ 12, phường K, thành phố C, tỉnh Lai Châu. Nay là phường K, tỉnh Lai Châu (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị H - sinh năm 1960

Nơi ĐKKHKT: Tổ 12, phường K, thành phố C, tỉnh Lai Châu. Nay là phường K, tỉnh Lai Châu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của ông Lê Quang Th là nguyên đơn trình bày:

Ông Th và bà Trần Thị H kết hôn ngày 10/01/2000 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Th, huyện Th, tỉnh Lai Châu (nay là Ủy ban nhân dân phường K, tỉnh Lai Châu). Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc, từ năm 2007 giữa ông và bà H liên tục phát sinh mâu thuẫn do hai vợ chồng không có tiếng nói chung trong việc bàn bạc một số vấn đề quan trọng trong cuộc sống như vấn đề kinh tế, việc lo cho cháu họ hàng bên nhà bà H, dẫn đến hậu quả bà H vay nợ nhiều, bà H phải cầm cố nhà cửa. Ông Th và bà H đã sống ly thân nhiều năm. Đến nay ông Th nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với bà H và mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông Th làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Về con chung: ông bà có 01 con chung là cháu Lê Nhật C sinh ngày 19/4/2001, hiện đã thành niên (đủ 18 tuổi) có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo văn bản trình bày ý kiến ngày 08/4/2025 của bà Trần Thị H là bị đơn gửi Tòa án, bà H trình bày:

Trong quan hệ gia đình từ trước đến nay không có khúc mắc gì. Bà H và ông Th có 01 con chung là cháu Lê Nhật C, sinh năm 2001, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân. Thời gian bà H đi vắng ông Th gửi đơn bà không biết gì. Năm 2005, bà H có đưa vợ chồng cháu trai ruột (tên TA) lên Lai Châu công tác, làm ăn. Bà H có đứng ra vay cho cháu TA một số tiền để lấy vốn làm ăn, sau đó cháu bị vợ nợ phải xin thôi việc về quê. Hiện nay bà H vẫn đang cùng cháu Tuấn A để lo trả nợ. Con trai bà H có ý kiến là không đồng ý cho bà H ly hôn. Bà H không nhất trí ly hôn.

Trong đơn xin xét xử vắng mặt ngày 17/7/2025 của bà H gửi Tòa án bà H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trường hợp ông Th vẫn kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà, bà tôn trọng ý kiến của ông Th nên nhất trí.

Về việc nuôi con: Ông bà có con chung đã thành niên có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về chia tài sản: tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của ông Lê Quang Th và bà Trần Thị H tại nơi cư trú tổ 12, phường K, thành phố C ngày 16/5/2025 nội dung: Ông Th và bà H là công dân hiện đang cùng sinh sống tại tổ 12, phường K, thành phố C, quá trình sinh sống hàng xóm cũng như tổ dân phố không được chứng kiến việc ông Th, bà H xảy ra mâu thuẫn to tiếng, hơn nữa ông Th, bà H không chia sẻ về tình trạng hôn nhân nên hàng xóm, tổ dân phố không nắm được. Ông Th và bà H có 01 con trai chung tên Lê Nhật C đã thành niên, đang đi làm ăn xa. Về tài sản chung, nợ chung của ông Th và bà H hàng xóm chỉ biết có nợ nhiều, cụ thể hàng xóm và tổ dân phố không nắm được.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lai Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Việc Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu của nguyên đơn, quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng quy định, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ và nghiêm túc pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt không có lý do tại Tòa án các ngày 15/5, 27/5, 24/6 năm 2025 để Tòa án lấy lời khai và tham gia phiên họp tiếp cận kiểm tra công khai chứng cứ và hòa giải là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự tại phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 18/7/2025, bà H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 58 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 ; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS, Luật TTHC, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang Th về ly hôn.
- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Lê Quang Th và bà Trần Thị H.
- Về con chung: Không xem xét giải quyết.
- Về án phí: ông Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận và giải thích về quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ông Lê Quang Th có làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Trần Thị H, bà H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 12, phường K, thành phố C, tỉnh Lai Châu nay là phường K, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS, Luật TTHC, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu. Nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lai Châu.

Bà Trần Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa ngày 18/7/2025. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà Trần Thị H.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Lê Quang Th và bà Trần Thị H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 10/01/2000 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Th, huyện Th, tỉnh Lai Châu (nay là Ủy ban nhân dân phường K, tỉnh Lai Châu), trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, do đó quan hệ hôn nhân giữa ông bà là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Ông Th và bà H cùng chung sống một nhà tại tổ 12, phường K, thành phố C, tỉnh Lai Châu, nay là phường K, tỉnh Lai Châu. Từ năm 2007 giữa ông bà có nhiều mâu thuẫn, dẫn đến vợ chồng tuy sống cùng nhà nhưng ly thân. Ông Th không quan tâm chăm sóc bà H nữa, đến nay ông Th xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà H. Do đó, có cơ sở xác định ông Th và bà H chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tH yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng

chung sống với nhau theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình (quy định về tình nghĩa vợ chồng). Mặt khác, bà H tuy đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để hòa giải nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do và thể hiện việc không thiện chí hòa giải đoàn tụ. Chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông Th và bà H đã trầm trọng. Xét thấy mục đích hôn nhân giữa hai vợ chồng ông Th và bà H không đạt được, ông bà không có khả năng đoàn tụ. Trong đơn xin xét xử vắng mặt bà H cho rằng ông Th kiên quyết ly hôn với bà, bà H cũng tôn trọng ý kiến của ông Th nên nhất trí ly hôn với ông Th. Vì vậy, việc ông Th làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà H là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[3] Về nuôi con chung: ông Lê Quang Th và bà Trần Thị H có 01 con chung là cháu Lê Nhật C sinh ngày 19/4/2001, hiện đã thành niên (đủ 18 tuổi) có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân, không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản: ông Lê Quang Th, bà Trần Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Lê Quang Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6]. Quan điểm về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 51, 54, 57, 58, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS, Luật TTHC, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang Th về việc “Ly hôn” với bà Trần Thị H:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Quang Th được ly hôn với bà Trần Thị H.
2. Về con chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
3. Về chia tài sản: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
4. Về án phí: Ông Lê Quang Th phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, xác nhận ông Th đã nộp theo biên lai số 00001328 ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Lai Châu.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND khu vực 1- Lai Châu;
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu;
- UBND phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu;
- Lưu hồ sơ - TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Vân Anh